

TÊN BÀI BÁO BẰNG TIẾNG VIỆT HOẶC TIẾNG ANH

<Cỡ chữ 13 pt, Calibri, before + after: 3 pt, dẫn dòng: Multiple 1,15 pt>

Họ Và Tên Tác Giả^{1,*}, Họ Và Tên Tác Giả², ...

1 Tên đơn vị, tên tổ chức của tác giả 1 <dẫn dòng Multiple 1,15 pt, before space 3pt>

2 Tên đơn vị, tên tổ chức của tác giả 2

** Email:.....*

Tóm tắt:

Tóm tắt ý tưởng và nội dung bài báo phản ánh được đầy đủ các kết quả và ý mới cơ bản của bài viết, trình bày thành một đoạn văn dài khoảng 100-250 từ, 5 – 10 dòng, dẫn dòng Multiple 1.3 pt, không viết tắt, không chèn chú thích và các trích dẫn tham khảo. Nội dung tóm tắt bao gồm bốn ý sau:

(1) Câu hỏi và mục đích của nghiên cứu. Phần này nên mô tả bằng 2 câu: (1) mô tả vấn đề mà nghiên cứu quan tâm, tình hình nghiên cứu hiện tại; (2) mô tả mục đích nghiên cứu một cách ngắn gọn, rõ ràng.

(2) Phương pháp nghiên cứu. Cần mô tả cách thức giải quyết vấn đề (phát triển lý thuyết/ phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu...)

(3) Kết quả. Tóm tắt những kết quả chính của nghiên cứu, kể cả những số liệu có thể lấy làm điểm thiết yếu của nghiên cứu. Kết quả phải được trình bày sao cho trả lời được câu hỏi nghiên cứu đặt ra từ câu văn đầu tiên.

(4) Kết luận. Một hoặc 2 câu văn kết luận và ý nghĩa của kết quả nghiên cứu.

Phần tóm tắt có tính độc lập so với bài báo, thuyết phục người đọc nên đọc tiếp hay bỏ qua bài báo. Do đó, tác giả cần cung cấp thông tin một cách ngắn gọn, nhưng có dữ liệu minh chứng và đi thẳng vào vấn đề. Thông thường phần tóm tắt được viết sau khi đã hoàn tất bài báo.

Từ khóa: Từ khóa viết cách nhau bởi dấu phẩy, theo thứ tự alphabet <dẫn dòng Multiple 1.3 pt, before space 6pt>.

1. Đặt vấn đề

Tài liệu này là bản mẫu về định dạng cho các bài báo khoa học gửi đăng tại Hội thảo NSA2025.

Bài báo cần được trình bày trên khổ A4 theo chiều dọc, với các thông số PageSetup cụ thể như sau: Top: 2.8cm, Bottom: 2cm, Left: 3.5cm, Right: 2 cm, Header: 1.27cm, Footer: 1.27cm. Nội dung bài báo dùng cỡ chữ 10; Font chữ Times New Roman, không dẫn hay co cỡ chữ; dẫn dòng: Multiple 1.3 pt, before + after: 3pt; căn lề kiểu Justified. Dung lượng bài báo không quá 10 trang.

Tiêu đề các phần chính của bài báo dùng cỡ chữ thường, in đậm, cùng cỡ chữ của văn bản nội dung.

Nội dung phần này cần cung cấp những thông tin sau: vấn đề nghiên cứu đặt ra là gì, đã có những công trình nghiên cứu nào được thực hiện để giải quyết vấn đề, khoảng trống của tri thức cần được bổ sung là gì, từ đó chỉ ra mục đích nghiên cứu. Nên bố trí cấu trúc phần này như sau:

Trước hết, cung cấp thông tin ngắn gọn về hoàn cảnh đặt ra vấn đề cần nghiên cứu. Nếu cần, sử dụng 1-2 câu văn tóm tắt kiến thức cơ bản có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu. Phát biểu vấn đề nghiên cứu một cách cụ thể, súc tích. Tiếp đó, giới thiệu tóm tắt các kết quả nghiên cứu liên quan đã được công bố gần nhất, qua đó chỉ ra khoảng trống về kiến thức cần bổ sung để hoàn thiện lời giải cho vấn đề nghiên cứu. Các công bố khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhất thiết phải kèm theo trích dẫn, tham chiếu đến tài liệu tham khảo. Số lượng trích dẫn không nên quá ít.

Cuối phần mở đầu, nên giới thiệu cấu trúc các phần tiếp theo của bài báo để người đọc tiện theo dõi.

2. Các nội dung chính

Phương pháp nghiên cứu, phương tiện nghiên cứu, nội dung nghiên cứu đã thực hiện,

Nếu cần thiết, có thể chia nội dung một phần của bài báo thành nhiều phần nhỏ. Khi này, có thể cung cấp thông tin giới thiệu nội dung các phần nhỏ. Thông tin này nằm giữa tiêu đề của phần chính với tiêu đề của phần nhỏ đầu tiên.

2.1. <Tiêu đề nội dung con>

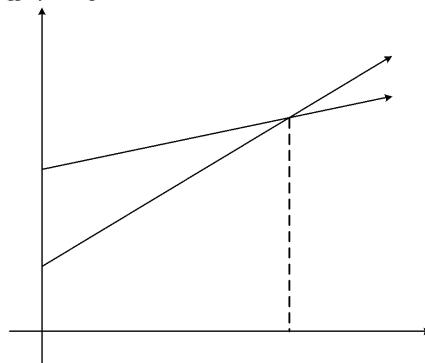
Nếu cần chia một phần nhỏ thành nhiều phần nhỏ hơn, thống nhất định dạng các tiêu đề cấp 3 là in đậm, nghiêng (Xem minh họa dưới đây).

2.1.1. Đơn vị đo và số liệu

Thống nhất dùng đơn vị đo theo hệ SI cho các số liệu trong bài báo. Dấu ngăn cách thập phân trình bày là dấu phẩy(.) trong bài báo tiếng Việt; dùng dấu chấm(.) trong bài báo tiếng Anh. Một số lưu ý về trình bày đơn vị đo dưới đây được trích từ Nghị định số 134/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ, quy định về đơn vị đo lường chính thức.

Ký hiệu đơn vị phải viết bằng chữ thường, kiểu thẳng đứng, trừ đơn vị lít (L). Ví dụ: m, s... Trường hợp tên đơn vị xuất xứ từ một tên riêng thì ký tự đầu tiên trong ký hiệu đơn vị phải viết hoa. Ví dụ: A, K, Pa... Khi thể hiện giá trị đại lượng theo đơn vị đo phải ghi đầy đủ cả phần trị số và phần đơn vị đo. Giữa hai thành phần này phải cách nhau một ký tự trống. Ví dụ: 22 m (không được viết: 22m hoặc 22 m). Khi trình bày ký hiệu đơn vị nhiệt độ bằng độ Celsius, không được có khoảng trống giữa ký hiệu độ (°) và ký hiệu Celsius (C).

Ví dụ: 15 °C (không được viết: 15°C hoặc 15 ° C). Khi trình bày ký hiệu đơn vị góc phẳng là ° (độ); ' (phút); " (giây), không được có khoảng trống giữa các giá trị đại lượng và ký hiệu đơn vị đo. Ví dụ: 15°20'30" (không được viết: 15 °20 '30 " hoặc 15 ° 20 ' 30 ").



Hình 1. Chi phí đầu tư xây dựng đường dây HVAC và HVDC

2.1.2. Công thức toán

Các công thức tính toán được đánh số thứ tự, đặt trong ngoặc đơn phía lề phải như minh họa dưới đây. Lưu ý là các ký hiệu hàm, biến được in nghiêng; ký hiệu ma trận, véc tơ được in đậm.

$$f(x) = \int_a^b \sqrt[3]{(5x-9)} dx \quad (1)$$

$$\mathbf{T} = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 255 \\ 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad (2)$$

Tên bài báo:

2.1.3. Hình vẽ, bảng biểu

Hình vẽ và bảng biểu được đánh số thứ tự tăng dần trong toàn văn nội dung bài báo. Ví dụ: Hình 1, Hình 2, .../Bảng 1, Bảng 2, ... (không đánh thứ tự theo đề mục nội dung như: Hình 1, Hình 2, ...). Số thứ tự hình vẽ, bảng biểu phải được tham chiếu (giới thiệu, bình luận) trong văn bản. Khi dàn trang, Tòa soạn có thể cần di chuyển vị trí của bảng biểu, hình vẽ lên đầu trang hoặc xuống cuối trang. Do đó, tác giả không sử dụng cách giới thiệu tương tự như: "... được minh họa trong hình sau:", hay "Số liệu thống kê như trong bảng sau:". Cần tham chiếu đến số thứ tự của hình, bảng, chẳng hạn như "...được minh họa trong Hình 1", hay "Số liệu thống kê như trong Bảng 1".

Bảng 1. Thông số kỹ thuật máy đo nhám SJ400

STT	Tiêu chuẩn	Chỉ số
1	Độ chính xác	ISO, DIN, ANSI
2	Tốc độ đo	0.5, 1 (mm/s)
3	Lực đo	0.75 Nm, 4 Nm
4	Độ phân giải	0.001 μm
5	Chiều dài lấy mẫu	0,8 mm; lọc RC

Cố gắng sắp xếp để hình ảnh, bảng biểu ở vị trí gần với nội dung văn bản có tham chiếu đến hình ảnh, bảng biểu.

Nếu một hình bao gồm nhiều hình nhỏ, ký hiệu các hình nhỏ bằng các chữ cái a), b), v.v... và giải thích nội dung các phần nhỏ ngay trong tiêu đề của hình. Hình 1 minh họa mẫu định dạng tiêu đề của một hình được chèn trong bài báo. Định dạng các thành phần của bảng biểu được minh họa như trong Bảng 1.

Số liệu trong bảng phải chính xác, hình ảnh rõ nét. Độ rộng của bảng và hình vẽ bằng độ rộng của cột, hoặc của trang giấy theo khổ dọc. Nếu bảng (như bảng 2) và hình vẽ (như hình 2) quá lớn có thể trình bày theo trang ngang (Landscape).

Bảng 2. Bảng dữ liệu quy hoạch thực nghiệm

Số TN	Thông số vào (Dạng mã hóa)			Thông số vào (Giá trị thực)			Thông số ra Kết quả đo độ nhám $R_a(\mu\text{m})$			
	X_1	X_2	X_3	S_d	S_n	T	R_{a1}	R_{a2}	R_{a3}	$R_a \text{ TB}$
1	-1	-1	-1	5	4	0,02	0,39	0,38	0,4	0.39
2	+1	-1	-1	5	4	0,08	0,75	0,73	0,74	0.74
3	-1	+1	-1	15	4	0,02	0,5	0,49	0,51	0.5
4	+1	+1	-1	15	4	0,08	0,89	0,88	0,90	0.89
5	-1	-1	+1	5	8	0,02	0,51	0,52	0,5	0.51

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trình bày các kết quả thu được từ nghiên cứu. Có thể sử dụng hình ảnh, bảng biểu minh họa kết quả, hỗ trợ cho phần bàn luận. Nhấn mạnh các đóng góp mới của nghiên cứu so với các nghiên cứu tương tự đã công bố.

4. Kết luận

Phần này tóm tắt những kết luận quan trọng rút ra được từ phần Kết quả nghiên cứu và thảo luận. Lưu ý tránh trùng lặp với phần Tóm tắt. Có thể trình bày các định hướng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Lời cảm ơn

Gửi lời cảm ơn các cá nhân, tổ chức, đề tài đã đóng góp, tài trợ cho nghiên cứu. Phần này không bắt buộc.

Tài liệu tham khảo:

Danh mục tài liệu tham khảo (TLTK) chỉ liệt kê những tài liệu được trích dẫn trong bài báo. Các thành phần của Tài liệu tham khảo cần được trình bày đủ và chính xác, thuận tiện cho việc tra cứu. Tài liệu tham khảo trình bày theo cỡ chữ 10, Line spacing: single, before + after: 0pt.

Danh sách Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự được trích dẫn trong bài báo.

Lưu ý một số điểm sau đây:

+ **TLTK là sách, luận án cần ghi đầy đủ các thông tin theo thứ tự:**

[STT]. Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành (Năm xuất bản), *Tên sách/luận án*, Nhà xuất bản, nơi xuất bản.

+ **TLTK là bài báo hoặc bài trong một cuốn sách... cần ghi đầy đủ các thông tin theo thứ tự:**

[STT]. Tên tác giả (Năm XB), “Tên bài báo”, *Tên tạp chí/hội thảo hoặc sách*, Thông tin tạp chí/hội thảo <ISSN/ISBN...> Nơi xuất bản, **Tập (Số)**, Số trang đầu-cuối <tr. Hoặc pp.>;

+ **TLTK là các văn bản do các cơ quan, tổ chức ban hành:**

[STT]. Tên cơ quan ban hành (Năm ban hành), *Tên văn bản (nếu là các Quyết định, công văn..., ghi rõ số và ngày tháng, nội dung của văn bản)*, Nhà xuất bản, nơi xuất bản (nếu có).

+ **TLTK là bài đăng trên website:**

[STT]. Tên tác giả (năm đăng bài nếu có), *Tên bài*, trang website, thời gian truy cập.

Ví dụ:

[1]. Ravi Kumar Panthangi, Vinayak Naduvinanman (2018), “Optimization of Surface Roughness in Cylindrical Grinding Process”, *International Journal of Applied Engineering Research*, **12(8)**, pp. 11-16.

[2]. Trần Văn Định, Nguyễn Trọng Bình và các tác giả (2023). *Công nghệ chế tạo máy*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia.